



dú wù
毒物

noun · poison; toxic substance

Example Sentences

zhè zhǒng mó gu hán yǒu jù dú wù bù néng chī
这种蘑菇含有剧毒物，不能吃。

This type of mushroom contains a highly toxic substance and cannot be eaten.

shí yàn shì lǐ cún fàng zhe duō zhǒng wēi xiǎn dú wù
实验室内存放着多种危险毒物。

The laboratory stores many kinds of dangerous poisons.

Trace each character, then write the word on your own.

毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒
毒										
物	物	物	物	物	物	物	物	物	物	物